

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 11/2022/NQ-HĐND

An Giang, ngày 12 tháng 7 năm 2022

NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập
năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh An Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Xét Tờ trình số 334/TTr-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh An Giang; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức học phí giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 trên địa bàn tỉnh An Giang.

1. Mức học phí này áp dụng đối với hình thức học trực tiếp và trực tuyến các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên, như sau:

Đơn vị tính: đồng/học sinh/tháng

STT	Vùng (địa bàn)	Mầm non	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông
1	Các phường thuộc thị xã, thành phố	300.000	300.000	300.000
2	Các xã, thị trấn thuộc huyện, thị xã, thành phố	100.000	100.000	200.000
3	Vùng dân tộc thiểu số và miền núi	50.000	50.000	100.000

2. Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Tối đa bằng 2 lần mức học phí tại khoản 1 Điều này.

3. Học sinh tiểu học không phải đóng học phí.

4. Đối tượng được miễn, giảm học phí và hỗ trợ tiền đóng học phí: Thực hiện theo quy định tại Điều 15, 16 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

5. Cơ chế miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và hỗ trợ đóng học phí: Thực hiện theo quy định tại khoản 1, điểm a, khoản 2 và khoản 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 Điều 20 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

6. Đối tượng, định mức và thời gian được hỗ trợ chi phí học tập: Thực hiện theo quy định tại Điều 18 và khoản 10 Điều 20 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

7. Thu, quản lý và sử dụng học phí: Thực hiện theo quy định tại Điều 12, 13 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang Khóa X Kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 12 tháng 7 năm 2022, có hiệu lực từ ngày 22 tháng 7 năm 2022 và thay thế các nghị quyết: Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang; Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Nghị quyết số 13/2021/NQ-HĐND ngày 19 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức thu dịch vụ giáo dục (học phí) mầm non và phổ thông công lập đối với các chương trình giáo dục đại trà năm học 2021 - 2022 trên địa bàn tỉnh An Giang.

CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Lê Văn Nung